

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 01/2020/QĐST-KDTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Q, ngày 20 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2019/TLST-KDTM ngày 27/03/2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đại Chúng Việt N.

Trụ sở chính: Số 22 Ngô Q, phường Tràng T, quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Th - Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản. Theo văn bản ủy quyền số: 10998/UQ-PVB ngày 02/11/2017.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Hoàng Q – Chuyên viên tổ tụng khách hàng cá nhân. Theo văn bản ủy quyền số: 8930/UQ-PVB ngày 27/8/2018.

Bị đơn: Anh **Vương Duy T**, năm 1987 và chị **Quách Thị Th**, sinh năm 1991 (vợ anh Tuyên).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Duy S, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950 (bố mẹ đẻ anh T); Các con anh T và chị Th cháu: Vương Bảo Ch, sinh năm 2010 và cháu Vương Duy Kh, sinh năm 2012. Anh Vương Duy T đại diện theo pháp luật cho hai con và đại diện theo ủy quyền của ông S và bà M theo văn bản ủy quyền số: 30.2020/GUQ quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2020

Địa chỉ: Đội 3, thôn Đồng L, xã Đồng Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Ông Vương Duy T và bà Quách Thị Th có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng TMCP Đại chúng Việt N (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương T) tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số: 2409/2011/HĐHM-CN.HN ngày 09/9/2011 (Hợp đồng ký với Ngân hàng TMCP Phương T) số tiền nợ vay tính đến ngày 07/01/2020 là: 3.239.813.558 đồng (*Ba tỷ hai trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm năm mươi tám đồng*).

Trong đó, nợ gốc là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng); nợ lãi là 2.639.813.558 đồng (*hai tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm năm mươi tám đồng*) (nợ lãi trong hạn: 763.706.615 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.876.106.943 đồng).

Ông Vương Duy T và bà Quách Thị Th phải thanh toán phần nợ lãi, phạt phát sinh đối với số nợ gốc còn lại tính từ 08/01/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký số 2409/2011/HĐHM-CN.HN ngày 09/9/2011.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày 18/6/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2- Trường hợp ông Vương Duy T và bà Quách Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số: 104; Tờ bản đồ số: 14; Diện tích: 417.2 m² (Bốn trăm mười bảy phẩy mét vuông); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 417.2m²; Sử dụng chung: 0 m²; Mục đích sử dụng: Đất thổ cư; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng : Đất ông cha để lại; bất động sản

tại địa chỉ xóm 3, Đồng L, Đồng Q, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đã được UBND huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số AG 494693 ngày 04/10/2006 cho ông Vương Duy T và thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 5988/2011/HĐTC ngày 09/9/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội.

2.3. Về án phí: Bị đơn ông Vương Duy T và bà Quách Thị Th tự nguyện chịu án phí là: 4 8.398.130 đồng (*bốn mươi tám triệu ba trăm chín tám nghìn một trăm ba mươi đồng*). Do bị đơn là ông T và bà Th có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có đủ tài sản để nộp tiền án phí, có xác nhận của UBND xã Đồng Q nên xét giảm 50% án phí cho bị đơn. Ông Vương Duy T và bà Quách Thị Th còn phải nộp: 24.199.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đại Chúng Việt N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 25.370.000 đồng (*hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0006551 ngày 02/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q.
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành